

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Yên Bai

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 10/7/2021 của Tỉnh ủy Yên Bai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 30/10/2020 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX.

Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bai ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, của địa phương về lĩnh vực công tác dân tộc trong tình hình mới.

- Xác định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước liên quan đến công tác dân tộc. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của toàn xã hội về công tác dân tộc. Phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách từ tỉnh đến cơ sở đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị nhằm tổ chức thực hiện tốt công tác dân tộc trong thời gian tới. Phát huy vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể trong việc chăm lo, giúp đỡ, hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tiếp tục củng cố và nâng cao niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng dân tộc thiểu số với Đảng, Nhà nước, phát huy được vai trò chủ thể của mình, chủ động, tích cực tham gia đóng góp có hiệu quả vào sự phát triển chung của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh phải được triển khai đồng bộ, thống nhất, kịp thời từ tinh đến cơ sở, chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong cán bộ, Đảng viên và Nhân dân, doanh nghiệp; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn tại địa phương và chỉ đạo của Trung ương, đảm bảo hiệu quả, đạt được các mục tiêu đề ra.

- Nâng cao vai trò tham mưu, đề xuất của các ngành, địa phương về cơ chế, giải pháp thực hiện các chính sách dân tộc.

II. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu tổng quát

- Uyên tiên phát triển toàn diện, nhanh, bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khai thác tiềm năng, lợi thế, bảo vệ môi trường và không gian sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần đẩy mạnh phát triển nhanh, bền vững theo hướng xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, ý chí tự lực tự cường và khát vọng vươn lên góp phần xây dựng con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập”.

- Rút ngắn khoảng cách về mức thu nhập giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với vùng phát triển của tỉnh. Giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn, cải thiện rõ rệt đời sống và nâng cao sinh kế của Nhân dân, chú trọng thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với các vùng phát triển khác trong tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững; nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số. Xóa bỏ dần các phong tục, tập quán lạc hậu, đồng thời bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp đặc trưng của các dân tộc trong tỉnh. Tập trung xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở

vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Mục tiêu đến năm 2025

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân vùng dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 4%/năm.

- Chỉ số hạnh phúc của người dân tăng 15% so với năm 2020¹.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; trên 92,7% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; khoảng 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; khoảng 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định trên 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí khoảng 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

- Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường khoảng 99%, tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi 6 - 11 tuổi đi học tiểu học 99,95%, học trung học cơ sở khoảng 97%, học trung học phổ thông khoảng 55%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông khoảng 97%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ hiện đại; tiếp tục không chê, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khoảng 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống còn 16%.

- 45% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, chất lượng.

¹Kết quả khảo sát tại thời điểm tháng 6/2020, chỉ số hạnh phúc của người dân Yên Bai đạt 53,3%, ở mức: Khá hạnh phúc.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

b. Mục tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh đạt trên 8%.
- Thu nhập bình quân người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung cả nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%. Cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.
 - 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; trên 95% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa.
- Năng suất lao động xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tăng bình quân 6,2%/năm.
- Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm.
- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định đạt 35-40%, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.
 - Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hằng năm thu hút 2% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.
- 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học theo vị trí việc làm; 100% công chức làm công tác chuyên môn nghiệp vụ cấp xã có trình độ đại học trở lên; trình độ trung cấp lý luận chính trị khoảng 95% trở lên; trên 90% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 4 nhóm đối tượng.
 - Phấn đấu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.
 - Xóa tình trạng nhà ở tạm, dột nát; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.
 - Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Góp phần duy trì và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 63%.

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

c. Tầm nhìn đến năm 2045

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số đạt trên 1/2 bình quân chung của cả nước.

- Cơ bản không còn hộ nghèo; người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

(Có Phụ lục kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ đột phá

a) Tiếp tục cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hướng tới phát triển bền vững và thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Về phát triển nguồn nhân lực

- Ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao để làm đầu mối dẫn dắt, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong tổ chức sản xuất, quản lý xã hội; phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới, kết hợp với phát huy các tri thức bản địa và kinh nghiệm sống, sản xuất của đồng bào trong phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người

dân tộc thiểu số. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đặc biệt là tại các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

- Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tập trung đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành có nhu cầu cấp thiết như: Bác sỹ, dược sỹ, kỹ sư nông nghiệp, công nghệ thông tin, quản lý văn hóa cơ sở, quản lý kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, công nghệ thực phẩm...

d) Phát triển đồng bộ hạ tầng thiết yếu, phục vụ sinh hoạt, sản xuất, giao thương, tăng cường kết nối thị trường, lưu thông hàng hóa bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thị xã. Trong đó ưu tiên phát triển hệ thống giao thông đường bộ liên tỉnh, liên huyện.

đ) Phát triển mạnh hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số; phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia về dân tộc phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng.

e) Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

g) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho Nhân dân; tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục củng cố lòng tin vững chắc của đồng bào các dân tộc với Đảng, Nhà nước.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

2.1. *Đổi mới phương thức quản lý Nhà nước về công tác dân tộc*

Xác định và phân công rõ vai trò, trách nhiệm; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đổi mới tổ chức của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng tinh gọn, đồng bộ, thống nhất, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

2.2. *Về phát triển kinh tế - xã hội*

Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng phát triển xanh; Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến,

kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của từng vùng, từng dân tộc.

- Đối với nông nghiệp:

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và sử dụng lao động tại chỗ; chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực (quốc gia, cấp tỉnh, đặc sản địa phương) gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); định hướng cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lĩnh vực và vùng phù hợp với kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

+ Chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; hoàn thành giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy hoạch được phê duyệt; giải quyết cấn bản đất ở, đất sản xuất; có chính sách hỗ trợ phù hợp cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo người Kinh sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tiến tới chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

- Đối với công nghiệp - xây dựng:

+ Rà soát, quy hoạch hợp lý các ngành công nghiệp, lựa chọn một số ngành, lĩnh vực chủ yếu, có tiềm năng, thế mạnh để ưu tiên phát triển gắn liền với tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng đẩy mạnh liên kết vùng; xây dựng phương án phát triển kinh tế quốc phòng theo hướng lưỡng dụng, liên kết với công nghiệp dân sinh.

+ Bố trí nguồn lực nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

+ Quy hoạch hệ thống đô thị, khu dân cư mới và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án định canh, định cư, sắp xếp, ổn định dân cư tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự phát; nâng cao năng lực ngành xây dựng, bảo đảm đủ sức thiết kế, thi công các công trình phù hợp với đặc thù của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối với thương mại, dịch vụ, du lịch:

+ Khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mới ký kết để tăng cường xuất khẩu sang các nước châu Âu, châu Mỹ và các thị trường mới, song song với bảo vệ sản xuất, thương hiệu các sản phẩm của tỉnh và lợi ích của người tiêu dùng. Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng thông qua hệ thống chợ đầu mối và các hội chợ xúc tiến thương mại. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử; phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ phù hợp đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; du lịch lịch sử - văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch “xanh”, du lịch “trải nghiệm”, du lịch “nông nghiệp”, “du lịch cộng đồng”, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương từng vùng.

c) Về phát triển giáo dục - đào tạo

- Phát huy và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đảm bảo tỉ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ; thực hiện hiệu quả chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, gắn đào tạo với nhu cầu và khả năng bồi dưỡng việc làm tại địa phương.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục theo lộ trình hợp lý, bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú phù hợp nhu cầu và điều kiện thực tế tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tâm vóc đối với trẻ em, học sinh. Dạy song hành tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của Trường Cao đẳng Yên Bái, Cao đẳng nghề, các cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Ưu tiên bồi dưỡng đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Về y tế và dân số

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng, giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó quan tâm thực hiện một số chính sách cụ thể về: Bảo hiểm y tế; nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm...

- Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, có cơ chế để phụ nữ người dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

d) Về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc

- Thực hiện bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể nhằm tạo ra sự đa dạng trong thống nhất của nền văn hóa Việt Nam; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số; giữ gìn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp thông qua ngôn ngữ, chữ viết, các ngày lễ, hội, buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống và tết cổ truyền của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

e) Quốc phòng, an ninh

- Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động tư tưởng ly khai, tự trị dân tộc, bạo loạn, biểu tình, phá rối trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Giải quyết kịp thời những phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, không để kẻ địch và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối với danh nghĩa “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về số lượng, nâng cao về chất lượng, nhất là các địa

phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã, phường, thị trấn và các lực lượng khác trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

g) Về đối ngoại

- Duy trì tốt các mối quan hệ hợp tác hữu nghị với địa phương các nước (tỉnh Val-de-Marne, Cộng hòa Pháp; tỉnh Viêng Chăn, tỉnh Xay Nha Bu Ly, Lào; tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; thành phố Mimasaka, Nhật Bản). Thiết lập quan hệ hợp tác với một số đối tác mới nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên nguyên tắc bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tích cực vận động, thu hút, tiếp nhận và triển khai hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế; quản lý sử dụng hiệu quả các nguồn vốn (ODA, NGO) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường. Tăng cường mời gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, trong đó tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số” đến năm 2025 theo Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 18/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kéo dài thời gian thực hiện Quyết định 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/2013

- Nâng cao hiệu quả tuyên truyền đối ngoại góp phần giúp cộng đồng quốc tế hiểu đúng và ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta; kịp thời đấu tranh ngăn ngừa những thông tin sai lệch, luận điệu xuyên tạc về công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước.

h) Củng cố hệ thống chính trị cơ sở

Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đặc biệt là trên các địa bàn chiến lược, vùng căn cứ cách mạng.

2.3. Giải pháp thực hiện

a) Nâng cao nhận thức về công tác dân tộc

Quán triệt nghiêm túc và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền và Nhân dân trong thực hiện công tác dân tộc; hiểu rõ vai trò, vị trí, tiềm năng to lớn của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cũng như các chính sách dân tộc nhất quán của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó nhận thức đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và chủ động thực hiện hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc trong tình hình mới. Chú trọng công tác xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

b) Đảm bảo nguồn lực thực hiện Chiến lược công tác dân tộc

- Xây dựng cơ chế chính sách, giải pháp ưu tiên huy động các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu Chiến lược công tác dân tộc đề ra. Trong đó kinh phí thực hiện Chiến lược công tác dân tộc được bảo đảm từ ngân sách Nhà nước và huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

- Đề xuất các chính sách đặc thù để khuyến khích, thu hút và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Đổi mới việc thực hiện chính sách dân tộc

- Thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, dự án, kế hoạch để người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát, góp ý, phản biện xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu của chính sách đã ban hành, tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm để kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế. Phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

d) Kiện toàn bộ máy, đổi mới hoạt động và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác dân tộc

- Tiếp tục kiện toàn, xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đối với thị xã Nghĩa Lộ chưa thành lập cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc phải bố trí đủ nhân lực cho cơ quan được giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Bảo đảm thực hiện đầy đủ vai trò chủ trì, thẩm định hoặc phối hợp tham gia thẩm định chính sách ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc các cấp. Ứng dụng hệ thống cơ sở dữ liệu và chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc từ tỉnh tới cơ sở, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dân tộc.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo phân công, phân nhiệm rõ ràng, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức liên quan.

đ) Xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, chương trình, chính sách thực hiện Chiến lược công tác dân tộc

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

- Nghiên cứu, đề xuất một số chính sách mới trên cơ sở tổng kết kết quả thực hiện giai đoạn trước, bảo đảm phù hợp định hướng, chủ trương của Đảng, các chính sách lớn của Nhà nước và tình hình thực tiễn của tỉnh; tăng cường phân cấp, phân quyền để các địa phương chủ động ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù trong tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chiến lược công tác dân tộc theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững, trong đó tập trung vào một số chính sách sau:

+ Thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ hỗ trợ để tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hình thành các trục động lực, khu công nghiệp, nông nghiệp hàng hóa, dịch vụ, du lịch gắn với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội từng địa phương.

+ Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực, đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, điện, thủy lợi, hệ thống thông tin liên lạc, các cơ sở giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội.

+ Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi hoặc ban hành mới các chính sách về các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, dạy nghề, giải quyết việc làm cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó tập trung vào công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý kinh tế, tài chính, quản trị sản xuất cho hộ gia đình, nhất là các hộ tham gia vào chuỗi giá trị chung và có hoạt động sản xuất kinh doanh; đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số; bảo tồn văn hóa truyền thống; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.

+ Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các đề án, chính sách về thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, phát huy nội lực, khơi dậy khát vọng, ý chí tự lực, tự cường, của đồng bào dân tộc thiểu số. Đổi mới công tác tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với từng địa bàn, phong tục, tập quán của đồng bào.

+ Xây dựng các đề án, dự án để ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu từ các đề tài khoa học, công nghệ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó tập trung vào những vấn đề trọng điểm và các mô hình có tính thực tiễn cao, kinh phí phù hợp với yêu cầu và tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân tộc thiểu số và vùng, miền, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững theo quy mô cấp cộng đồng trên nguyên tắc lấy bản sắc văn hóa, tri thức cộng đồng, truyền thông của các dân tộc thiểu số làm nền tảng, phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh làm mục tiêu, khoa học và công nghệ là giải pháp; có cơ chế linh hoạt

trong huy động nguồn lực, liên kết, đặt hàng với các tổ chức, doanh nghiệp để bổ sung thêm nguồn lực thực hiện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách Trung ương: bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm cho các địa phương thông qua các chương trình, chính sách, đề án liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Ngân sách tỉnh: Cấp đối ứng cho các chương trình, chính sách, đề án của Trung ương theo quy định; cấp kinh phí thông qua các đề án, chính sách của tỉnh ngoài chính sách của Trung ương.

3. Nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế, huy động từ xã hội, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hàng năm xây dựng Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn và các chỉ tiêu của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược công tác dân tộc vào năm 2025 và tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược công tác dân tộc vào năm 2030.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở ngành, địa phương triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược; Chủ trì tham mưu, đề xuất xây dựng các chương trình, kế hoạch kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội vào vùng đồng bào DTTS và miền núi trong đó tập trung ưu tiên các dự án phát triển sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, cải thiện môi trường, phát triển du lịch.

- Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chiến lược Công tác dân tộc vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của tỉnh.

- Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chiến lược Công tác dân tộc vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án của các sở, ngành, địa phương.

- Chủ trì triển khai thực hiện các mục tiêu giao theo Phụ biếu đính kèm.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở ngành, địa phương triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược; Bảo đảm kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo, triển khai, thực hiện Chiến lược, thực hiện các chương trình, dự án, đề án, chính sách dân tộc ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí kinh phí trong dự toán chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước cho các sở, ngành, địa phương thực hiện Chiến lược công tác dân tộc theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, chính sách dân tộc ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật liên quan.

4. Sở Lao động, thương binh và xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở ngành, địa phương triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược thuộc lĩnh vực quản lý; Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; các chương trình, chính sách an sinh xã hội đối với vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì triển khai thực hiện các mục tiêu giao theo Phụ biếu đính kèm.

5. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở ngành, địa phương triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược thuộc lĩnh vực quản lý; Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đảm bảo chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới; các chương trình, đề án, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì triển khai thực hiện các mục tiêu giao theo Phụ biếu đính kèm.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở ngành, địa phương triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược thuộc lĩnh vực quản lý; Chủ

tri, phối hợp triển khai thực hiện các chương trình, chính sách về giáo dục và đào tạo của trung ương, của tỉnh đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì triển khai thực hiện các mục tiêu giao theo Phụ biếu đính kèm.

7. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở ngành, địa phương triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược thuộc lĩnh vực quản lý; Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện các chương trình, chính sách về dân số, y tế, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

- Chủ trì triển khai thực hiện các mục tiêu giao theo Phụ biếu đính kèm.

8. Sở Văn hóa - thể thao và du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở ngành, địa phương triển khai thực hiện Dự án 6 về “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030 tỉnh Yên Bái.

- Chủ trì triển khai thực hiện các mục tiêu giao theo Phụ biếu đính kèm.

9. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

- Theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, các chỉ tiêu được giao tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này, chủ động phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành, cơ quan liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc trên phạm vi toàn tỉnh. Báo cáo kết quả thực hiện về Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Hàng năm đề xuất các nội dung, nhiệm vụ đưa vào Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược công tác dân tộc, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Yên Bái, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh: Phối hợp với các cơ quan liên quan, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn quản lý; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc và nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hàng năm báo cáo kết

qua thực hiện về Ban Dân tộc (trước ngày 10/12) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

11. Trân trọng Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân, Hội liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác Dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các sở, ban, ngành, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Ủy ban Dân tộc;
 - TT Tỉnh ủy;
 - TT HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, TH, NC.
- TL*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Phước

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Kế hoạch số: 151 /KH-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Nội dung mục tiêu/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2025	Mục tiêu đến năm 2030	Tầm nhìn đến năm 2045	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
1	Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số	%	tăng trên 2 lần so với năm 2020	1/2 bình quân chung cả nước	trên 1/2 bình quân chung của cả nước	Sở KH&ĐT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh	%	khoảng 8%	trên 8%	trên 8%		
3	Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số	%	Giảm 4%/năm	đưới 10%	cơ bản không còn hộ nghèo		
4	Lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu và điều kiện	%	50%				
5	Lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định	%		35 - 40%		Sở LĐTB&XH	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào DTTS&MN, hằng năm thu hút lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ....	%		2%			
7	Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa	%	100%	100%	100%	Sở GTVT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8	Thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa	%	92,7%	95%	100%		
9	Số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	%	99%	100%		Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

10	Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	90%				Sở NN&PTNT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
11	Tỷ lệ xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới	%		70%				
12	Tỷ lệ hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa	%		80%				
13	Tỷ lệ che phủ rừng	%		trên 63%				
14	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh	%	100%				Dài PTTT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
15	Số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố	%	100%					
16	Tỷ lệ trẻ em mầm non 5 tuổi đến trường	%	99%	99,5%	99,7%			
17	Tỷ lệ học sinh tiểu học được đến trường (Điều chỉnh thành “Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi 6 – 11 tuổi đi học tiểu học”)	%	99,95%	99,95%	99,96%			
18	Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở được đến trường	%	97%	98%	98%			
19	Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông được đến trường	%	55%	56%	57%			
20	Người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông	%	97%	98%	98%			
21	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế	%	98,0%				Bảo hiểm xã hội; Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
22	Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	giảm còn 16%					
23	Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế	%	80%				Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
24	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	80%					

25	Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên	%	50%			Sở VHTT&DL	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
26	Chỉ số hạnh phúc của người dân	%	tăng 15% so với năm 2020				
27	Năng suất lao động xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%		6,2%/năm		Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
28	Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số	tuổi		75			
29	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ chuyên môn; ngoại ngữ, tin học theo vị trí việc làm	%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
	- Có trình độ đại học trở lên	%	100%	100%	100%		
	- Có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên	%	85%	95%	100%		
30	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kiến thức dân tộc	%	90%	90%	100%		
31	Số hộ di cư không theo quy hoạch được sắp xếp, bố trí ổn định	%	90%	95%	100%		
32	Số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí	%	60%	100%		Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
33	Tỷ lệ xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng	%		85%	100%		